7 Chinese Words for "And" with Example Sentences

https://youtu.be/XBgyBATiTzc

Transcript

hé

and: 和

And liánjiē liǎng ge huò liǎng ge yǐshàng bìngliè de cí de shíhou, tā de yìsi shì "hé".
And 连接 两 个 或 两 个 以上 并列 的 词 的 时候，它 的 意思 是 "和"。

When joining two words or phrases referring to things that are related in some way, it means "hé".

Tā xǐhuan hē kělè hé chá.
Eg：她 喜欢 喝 可乐 和 茶。
She likes Coke and tea.

Tāngmǔ, Dàwèi hé Màikè shì péngyou.
汤姆、 大卫 和 麦克 是 朋友。
Tom, David and Mike are friends.

Tā de àihào shì tī zúqiú hé chàng gē.
他 的 爱好 是 踢 足球 和 唱 歌。
His hobbies are playing football and singing.

Tā xīngqī yī hé xīngqī sān yǒu Hànyǔ kè.
她 星期 一 和 星期 三 有 汉语 课。
She have my Chinese class on Monday and Wednesday.

yòu yòu

and： 又……又……

And liánjiē liǎng ge xíngróngcí qiě biǎoshì zhǔyǔ tóngshí jùyǒu de tèzhēng, tā de yìsi shì
And 连接 两 个 形容词 且 表示 主语 同时 具有 的 特征， 它 的 意思 是
"yòu..... yòu.....".
"又. . . . . 又. . . . . ."。

When describing somebody or something with two adjectives, it means "yòu ..... yòu.....".

Mǎlì yòu yǒuqián yòu piàoliang.

Eg: 玛丽 又 有钱 又 漂亮。

Mary is rich and beautiful.

Tā yòu gāo yòu shuài.

他 又 高 又 帅。

He is tall and handsome.

Zhè jiā fàndiàn de cài yòu piányi yòu hǎochī.

这 家 饭店 的 菜 又 便宜 又 好吃。

The food in this restaurant is good and inexpensive.

---

ránhòu

and/and then： 然后

And liánjiē liǎng jiàn xiāng jì fā shēng de shìqing shí, tā de yìsi shì "ránhòu".

And 连接 两 件 相 继 发 生 的 事情 时，它 的 意思 是"然后"。

When saying that one action or event follows another, it means "ránhòu".

Nǐ xiān zhí zǒu, ránhòu yòu guǎi.

Eg: 你 先 直 走， 然后 右 拐。

Go straight, and then turn right.

Tā kànle yíxià shǒubiǎo, ránhòu jìxù kàn shū.

他 看了 一下 手表， 然后 继续 看 书。

He looked at his watch and went on reading.

Tā huì zài Shànghǎi dāi sān tiān, ránhòu zuò fēijī qù Běijīng.

他 会 在 上海 待 三 天， 然后 坐 飞机 去 北京。

He will stay in Shanghai for three days and then fly to Beijing.

ér qiě

and： 而且

And liánjiē liǎng ge huò liǎng ge yǐshàng de xíngróngcí, cízǔ huò duǎnjù de shíhou, wǒmen huì

And 连接 两 个 或 两 个 以上 的 形容词、 词组 或 短句 的 时候， 我们 会

shuō “érqiě”.

说 “而且”。

When used to join two or multiple adjectives/phrases, we will say "érqiě".

Mǎlì hěn yǒuqián érqiě hěn piàoliang.

Eg：玛丽 很 有钱 而且 很 漂亮。

Mary is rich and beautiful.

Nà ge dìfang hěn yuǎn érqiě tiānqì yě bù hǎo, wǒmen hái shì bié qù le.

那 个 地方 很 远 而且 天气 也 不 好， 我们 还 是 别 去 了。

That place is far, and the weather is bad, so we’d better not go.

Wǒmen míngtiān zài zhǎo ba! Xiànzài tiān yǐjīng hēi le, érqiě dàjiā yě dōu lèi le.

我们 明天 再 找 吧！ 现在 天 已经 黑 了，而且 大家 也 都 累 了。

Let's look for it tomorrow! It's dark now and everyone is tired.

---

yuè lái yuè

and： 越 来 越+adj.

And liánjiē liǎng ge bǐjiàojí de xíngróngcí shí, wǒmen huì shuō “yuè lái yuè +adj.”

And 连接 两 个 比较级 的 形容词 时，我们 会 说 是“越来越+adj.”

When connecting two comparative adjectives, we would say “yuè lái yuè+adj”.

Tā pǎode yuè lái yuè kuài le.

Eg：他 跑得 越 来 越 快 了。

He runs faster and faster.

Tiānqì yuè lái yuè rè le.

天气 越 来 越 热 了。

It’s getting hotter and hotter.

Yuè lái yuè duō de niánqīng rén bù xiǎng jié hūn le.

越 来 越 多 的 年轻 人 不 想 结 婚 了。

More and more young people tend not to get married.

---

nà

and： 那

And yòng lái yǐndǎo wènjù de shíhou, wǒmen huì yòng “nà”.

And 用 来 引导 问句 的 时候， 我们 会 用 “那”。

When introducing a question, we would use “nà”.

Tā yǐqián tèbié shuài.

Eg：A： 他 以前 特别 帅。

He was really handsome.

Nà xiànzài ne?

B： 那 现在 呢？

And now?

Tā men cónglái méi yíngguo yì chǎng zúqiú bǐsài.

A： 他们 从来 没 赢过 一 场 足球 比赛。

They never won a soccer game.

Nà nǐ zài qīdài shénme ne?

B： 那 你 在 期待 什么 呢？

And what’re you expecting?

Tā bú shì yí ge hǎo rén.

A： 他 不 是 一 个 好 人。

He is not a good person.

Nà nǐ wèishénme bāng tā?

B： 那 你 为什么 帮 他？

And why did you help him?

Biǎoshì shùzì shí, bù xūyào shǐyòng “and”

表示数字时，不需要使用“and”

When saying a number, there is no need to use the word “and”

Tā zài Shànghǎi zhùguo yì nián bàn.

Eg：他 在 上海 住过 一 年 半。

He lived in Shanghai for a year and a half.

Zhè ge shǒujī yào bā qiān jiǔ bǎi jiǔ shí jiǔ yuán.

这 个 手机 要 八 千 九 百 九 十 九 元。

This phone is eight thousand nine hundred **and** ninety-nine yuan.

Tā gěi tā de nǚ péngyou mǎile yì bǎi líng yī duǒ huā.

他 给 他 的 女 朋友 买了 一 百 零 一 朵 花。

He bought one hundred **and** one flowers for his girlfriend.

Dàshì rúguǒ and biǎoshì liǎng ge shùzì xiāng jiā, wǒmen huì shuō “ jiā ” .

Note: **但是 如果 and 表示 两 个 数字 相 加， 我们 会 说 “加”。**

When one number is added to another, it means “ jiā ”.

2 jiā 2 shì duōshao?

Eg：2 加 2 是 多少？

What is two and two?